

Bản án số: 63/2024/DS-PT
Ngày 26-12-2024
V/v "Tranh chấp về hợp đồng vay
tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thế Tương;

Bà Đỗ Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Trung Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLPT-DS, ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 85/2024/QĐPT-DS, ngày 08 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự, :

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Y, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị Lương Thị Việt H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số F, phố A, phường M, quận H, thành phố Hà Nội. (có mặt)

4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - chị Lương Thị Việt H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Văn Y trình bày:

Ngày 07/6/2023, anh cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, anh và bà N có viết “*Giấy vay tiền*” đề ngày 07/6/2023 chữ ký bên (B) là chữ ký và chữ viết của bà N, (bà N ký và ghi rõ Nguyễn Thị N), sau đó anh chuyển số tiền 400.000.000 đồng vào số tài khoản 340505340118 tại Ngân hàng A cho chị Lương Thị Việt H, (con gái bà N). Chị H đã xác nhận và nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng mà bà N vay của anh qua nội dung tin nhắn Zalo. Hai bên viết cam kết đến ngày 07/12/2023, bà N phải trả cho anh số tiền gốc trên, bà N đã thanh toán cho anh 16.000.000 đồng tiền lãi do chị Lương Việt H chuyển khoản cho anh. Ngày 19/10/2023, bà N đã trả cho anh 100.000.000 đồng tiền gốc và viết giấy xác nhận còn nợ lại 300.000.000 đồng, bà N cam kết sẽ trả đủ số tiền còn lại cho anh theo thỏa thuận. Đã quá hạn thanh toán từ ngày 07/12/2023, bà N không trả tiền cho anh theo thỏa thuận, anh gọi điện thoại, nhắn tin, đến nhà yêu cầu bà N trả cho anh số tiền còn lại nhưng bà N và chị H luôn trốn tránh, không chịu trả tiền mà còn thách thức gia đình anh trước pháp luật. Gia đình anh đang vô cùng khó khăn cần khoản tiền lớn để chữa trị cho con gái bị bệnh bại não bẩm sinh, sàng lọc IVF tại Bệnh viện N1, vì vậy anh yêu cầu bà N trả cho anh số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 10/2023 đến tháng 07/2024 là 09 tháng x 300.000.000 đồng x 0,75%/tháng = 20.025.000 đồng, tổng số tiền anh yêu cầu bà N trả cho anh là 320.025.000 đồng.

Việc làm ăn giữa anh và chị Lương Thị Việt H đã thanh toán cho nhau xong không liên quan đến số tiền anh cho bà Nguyễn Thị N vay nợ, vì vậy anh vẫn giữ nguyên yêu cầu bà N trả cho anh số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 24.750.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Trường hợp chị H nhất trí trả cho anh số tiền trên thay cho bà N anh cũng đồng ý, anh sẽ đối trừ số tiền lãi 16.000.000 đồng chị H đã trả cho anh vào số tiền lãi anh yêu cầu, còn lại chị H trả tiền lãi cho anh là 8.750.000 đồng. Khoản tiền anh cho bà N vay là anh vay nợ của Ngân hàng, hàng tháng anh vẫn phải trả lãi cho Ngân hàng và hiện nay anh rất cần tiền để chữa bệnh bại não cho con đồng thời sàng lọc để sinh con nên anh không nhất trí phương án trả nợ của chị H.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Nguyễn Thị N trình bày: Tháng 06/2022, giữa anh Nguyễn Văn Y và chị Lương Thị Việt H (con gái bà) có thỏa thuận làm ăn chung, ngày 07/6/2022 anh Y có chuyển tiền qua tài khoản cho chị H số tiền là 400.000.000 đồng và hàng tháng chị H trả lãi cho anh Y theo thỏa thuận 02%/tháng. Do anh Y đã chuyển tiền vào tài khoản của chị H nên buổi tối cùng ngày anh Y đến nhà bà nói đã chuyển tiền vào tài khoản của chị H nhưng chị H ở xa không về ký giấy vay tiền được đồng thời chị H cũng gọi điện nhờ bà ký giấy vay tiền do anh Y viết nên bà đã đồng ý ký tên và ghi rõ vào bên (B) là Nguyễn Thị N. Chữ ký trong “*Giấy vay tiền*” đề ngày 07/6/2023 và ngày 19/10/2023 đúng là chữ ký, chữ viết của bà. Bà chỉ ký vay tiền hộ chị H, còn bà không vay và nhận số tiền 400.000.000 đồng từ anh Y thể hiện trong “*Giấy vay tiền*”, bà làm lao động tự do không có nhu cầu sử dụng số tiền lớn như anh Y yêu cầu, bản chất sự việc anh Y chuyển tiền cho H để làm ăn với nhau thì anh Y và chị H cùng nhau giải quyết. Vì vậy, bà không đồng ý việc anh Y yêu cầu bà trả cho anh Y số tiền gốc 300.000.000 đồng và 09 tháng tiền lãi tính từ tháng 10/2023 - tháng 07/2024 là 20.025.000 đồng. Trường hợp chị H đồng ý trả cho anh Y số tiền gốc 300.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 07/6/2023 bà cũng nhất trí. Bà không đồng ý trả số tiền lãi anh Y yêu cầu, số tiền lãi anh Y và chị H sẽ tính toán thỏa thuận với nhau bà không liên quan và bà đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Lương Thị Việt H trình bày: Đầu năm 2022, giữa chị và anh Nguyễn Văn Y chia sẻ với nhau một vài chuyện, liên quan đến cuộc sống, sau đó hai chị em thỏa thuận bằng miệng, nhắn tin cùng hợp tác làm ăn. Ngày 07/6/2023, chị có nhận số tiền 400.000.000 đồng anh Y chuyển vào tài khoản 3405205340118 ngân hàng A cho chị. Số tiền 400.000.000 đồng chị nhận chuyển khoản từ anh Y đúng theo “*Giấy vay tiền*” bà Nguyễn Thị N (mẹ chị) ký ngày 07/6/2023 với anh Y. Anh Y góp vốn làm ăn với chị số tiền ban đầu là 300.000.000 đồng, đến tháng 06/2023 số tiền góp vốn là 400.000.000 đồng, với mức lãi suất chị trả cho anh Y là 24%/năm. Tính từ tháng 06/2022 đến tháng 08/2023, chị đã trả lãi cho anh Y số tiền 105.250.000 đồng, đến cuối năm 2023 công việc làm ăn gặp trục trặc không có doanh thu nên chị có thông báo cho anh Y biết tình hình. Ngày 18/10/2023, dù kinh tế vẫn gặp khó khăn nhưng chị đã trả cho anh Y được 100.000.000 đồng tiền gốc. Hiện nay chị xác định còn nợ lại anh Y số tiền gốc là 300.000.000 đồng. Chị đã chuyển cho anh Y 14 tháng tiền lãi với tổng số tiền là 105.250.000 đồng tương đương $24\%/01 \text{ năm} = 02\%/01 \text{ tháng}$

trên số tiền gốc 400.000.000 đồng hoặc 300.000.000 đồng của từng thời điểm. Số tiền giao dịch làm ăn giữa chị với anh Y là đúng sự thật, bà N (mẹ chị) chỉ ký hộ chị “*Giấy vay tiền*”, nay chị đồng ý trả cho anh Y số tiền gốc 300.000.000 đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 07/6/2023 và ngày 19/10/2023 bà N (mẹ chị) ký với anh Y, tuy nhiên chị đưa ra phương án trả số tiền 300.000.000 đồng cho anh Y như sau:

+ Nếu là tiền hợp tác làm ăn thì phải chờ việc làm ăn ổn định lại, chị sẽ thanh toán trả anh Y tiền gốc, nếu có lợi nhuận chị sẽ bù đắp khó khăn theo thực trạng thay đổi. Dự kiến chị sẽ thanh toán trả cho anh Y số tiền gốc 300.000.000 đồng chậm nhất đến năm 2027.

+ Nếu theo đơn anh Y kiện đòi nợ thì số tiền lãi 105.250.000 đồng chị đã trả trước đó cho anh Y sẽ trừ vào tiền gốc và số tiền lãi tính sẽ tính theo lãi suất của ngân hàng từ tháng 07/2022 trên số tiền gốc của từng thời điểm đến khi thanh toán đủ số tiền chị vay của anh Y. Dự kiến chị sẽ thanh toán trả cho anh Y số tiền gốc 300.000.000 đồng chậm nhất đến năm 2027.

Chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Y, ngày 06/7/2023 chị có nhận của anh Y 400.000.000 đồng nhưng do chị ở trên Hà nội nên chị nhờ bà N mẹ chị ký giấy vay tiền của anh Y. Thực tế số tiền anh Y góp cho chị để làm ăn chứ không phải tiền chị vay như anh Y trình bày, trường hợp anh Y xác định làm ăn thì lời ăn lỗ chịu, khi nào có điều kiện chị sẽ trả nợ anh Y, trường hợp anh Y xác định là vay nợ, chị đề nghị số tiền 105.250.000 đồng chị đã chuyển khoản cho anh Y trừ 63.375.000 đồng vào tiền lãi (tính theo lãi suất 0,75%/tháng) còn 41.875.000 đồng trừ vào tiền gốc vay của anh Y. Số tiền gốc còn lại chị sẽ trả cho anh Y từ nay đến năm 2027.

Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Y.

3. Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho anh Nguyễn Văn Y số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi 8.750.000 đồng, tổng là 308.750.000 đồng. Chấp nhận việc chị Lương Thị Việt H có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn Y số tiền 308.750.000 đồng thay bà Nguyễn Thị N.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

4.1. Anh Nguyễn Văn Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Bà Nguyễn Thị N phải chịu 15.437.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, quyền thi hành án cũng như quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Về kháng cáo: Ngày 11/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Lương Thị Việt H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị H trình bày: Chị thừa nhận có việc anh Y và bà N ký giấy vay nợ với nhau nhưng số tiền 400.000.000 đồng anh Y đã chuyển khoản cho chị thực chất là tiền góp vốn làm ăn giữa chị và anh Y, chị cũng đã thanh toán số tiền lãi cho anh Y theo từng tháng, đến nay làm ăn thua lỗ nên chị chưa có tiền trả lại số tiền góp vốn của anh Y. Chị đề nghị Tòa án cho chị thời hạn để chị cung cấp cho Tòa án các kết luận giám định để chứng minh việc góp vốn làm ăn giữa chị và anh Y. Ngoài ra, chị cũng sẽ có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền còn lại của anh Y theo nguyên tắc làm ăn giữa hai bên là khi lợi nhuận thì được hưởng, khi thua lỗ thì phải cho chị thời gian để chị tìm cách gỡ gạc lại.

Bà N trình bày: Bà thừa nhận có ký giấy vay nợ giữa bà và anh Y, tuy nhiên bà không biết số tiền 400.000.000 đồng cụ thể là như thế nào, khi vợ chồng anh Y đến nhà bà đưa giấy nhận nợ cho bà thì chị H có gọi điện thoại về bảo bà ký nhận nên bà ký. Lúc đó, chị H làm ăn cũng gặp khó khăn rồi nên bà nghĩ vay được tiền của anh Y để làm ăn vượt qua giai đoạn khó khăn cũng tốt nên bà ký theo ý của chị H con gái bà. Chị H khi làm ăn thua lỗ vẫn luôn ưu tiên việc trả nợ cho anh Y, do đó, bà đề nghị Tòa án xem xét cho chị H có thêm thời gian làm ăn để trả lại cho anh Y số tiền góp vốn.

Anh Y trình bày: Anh không thừa nhận việc góp vốn làm ăn giữa anh và chị H, việc làm ăn giữa anh và chị H đã thanh toán cho nhau xong không liên quan đến việc vay nợ giữa anh và bà N, nếu góp vốn làm ăn chung với nhau thì giữa hai bên phải có hợp đồng rõ ràng. Anh đề nghị bà N có trách nhiệm thanh toán số tiền vay nợ giữa bà N với anh, nếu chị H trả tiền thay cho bà N, anh cũng nhất trí như bản án sơ thẩm đã quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Lương Thị Việt H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của chị Lương Thị Việt H gửi đến Tòa án trong thời hạn luật định; chị H đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên yêu cầu kháng cáo là hợp lệ, được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của chị Lương Thị Việt H:

[2.1] Theo tài liệu “Giấy vay tiền” đề ngày 07/6/2023, anh Y cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung “...*Bên cho vay (Bên A) Nguyễn Văn Y, sinh năm 1988 số căn cước công dân... Bên vay (Bên B) Nguyễn Thị N số căn cước công dân... Nguyễn Văn Y cho Nguyễn Thị N vay và Nguyễn Thị N đồng ý vay của Nguyễn Văn Y số tiền là 400.000.000 đồng. Thời gian thanh toán 07/12/2023 Bên (B) cam kết sẽ thanh toán đủ số tiền vay trên theo đúng thoả thuận....*” đồng thời bà Nguyễn Thị N và chị Lương Thị Việt H thừa nhận ngày 07/6/2023 bà N có ký vay của anh Y số tiền 400.000.000 đồng, chị H có nhận 400.000.000 đồng do anh Y chuyển khoản. Ngày 19/10/2023, bà N ký nhận nội dung “*Bà Nguyễn Thị N trả 100.000.000 đồng, còn nợ lại 300.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N xin cam kết sẽ gửi trả đủ số tiền còn lại theo đúng thoả thuận*”. Như vậy, có căn cứ xác định bà N vay nợ anh Y 400.000.000 đồng, đã trả 100.000.000 đồng còn nợ lại 300.000.000 đồng.

[2.2] Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N và chị Lương Thị Việt H khai số tiền 400.000.000 đồng anh Nguyễn Văn Y gửi cho chị H để hợp tác làm ăn và chị H trả anh Y lãi suất 02%/01 tháng, tuy nhiên anh Y không thừa nhận việc hợp tác làm ăn với chị H từ sau ngày 07/6/2023, không thừa nhận số tiền 105.250.000 đồng chị H chuyển cho anh lãi suất 02%/01 tháng và trong “*Giấy vay tiền*” không có nội dung nào thể hiện anh Y chuyển tiền cho chị H để hợp tác làm ăn và trả lãi suất 02%/01 tháng, đồng thời bà N, chị H không cung cấp được hợp đồng hay văn bản về việc hợp tác làm ăn giữa anh Y và chị H, không cung cấp được tài liệu nào thể

hiện hai bên thoả thuận về số tiền 105.250.000 đồng chị H chuyển cho anh Y là trả lãi suất 02%/01 tháng. Các bản sao tin nhắn chị H cung cấp không rõ thời gian trao đổi tin nhắn và không có cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung tài liệu chị H cung cấp. Chị H đề nghị Tòa án xem xét cho chị thêm thời gian để chị cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh các nội dung trên. Xét thấy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm ngày 08/11/2024, hoãn phiên tòa 02 lần vào các ngày 04/12/2024 và 11/12/2024 vì lý do chị H vắng mặt nhưng chị H đều không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, việc chị H và bà N khai số tiền 400.000.000 đồng anh Y chuyển cho chị H là hợp tác làm ăn và đề nghị đối trừ số tiền 105.250.000 đồng vào tiền gốc và tiền lãi anh Y yêu cầu là không có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Trong “*Giấy vay tiền*” ký kết giữa anh Nguyễn Văn Y và bà Nguyễn Thị N là thoả thuận vay nợ, thời hạn vay là 06 tháng. Đã quá thời hạn thoả thuận trả nợ nhưng bà N không trả tiền cho anh Y, vì vậy anh Y yêu cầu bà N trả cho anh 300.000.000 đồng tiền gốc và 8.750.000 đồng tiền lãi, tổng bằng 308.750.000 đồng là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lương Thị Việt H đồng ý trả nợ cho anh Nguyễn Văn Y thay bà Nguyễn Thị N được anh Y nhất trí nên HĐXX chấp nhận, tuy nhiên thời hạn thoả thuận trả tiền trong “*Giấy vay tiền*” bà N ký kết với anh Y là ngày 07/12/2023 nên chị H đưa ra phương án trả nợ cho anh Y đến năm 2027, anh Y không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ những phân tích, đánh giá trên đây, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo chị Lương Thị Việt H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên chị Lương Thị Việt H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của chị Lương Thị Việt H.

[2] Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình:

[2.1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Y.

[2.3] Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho anh Nguyễn Văn Y số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi 8.750.000 đồng, tổng là 308.750.000 đồng (*Ba trăm linh tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Chấp nhận việc chị Lương Thị Việt H có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn Y số tiền 308.750.000 đồng (*Ba trăm linh tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) thay bà Nguyễn Thị N.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[2.4] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016: Anh Nguyễn Văn Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bà Nguyễn Thị N phải chịu 15.437.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lương Thị Việt H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0003285 ngày 23/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/12/2024./.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

Nguyễn Thị Thúy Hoàn

